



Cordless Chain Saw

DUC357

350 mm (14")



Work amount

Approx.

100

 cuts

- 100x100mm Cedar square timber
- Weight on the blade: 80N
- Guide bar/ Saw chain: 300mm/ 90PX
- Battery : BL1860B on a single full battery charge

Net weight

2.9

 (tool only)
kg

Chain Speed

7.7

 (at no load)
m/s

Powerful cut with high torque



BL MOTOR

High operating efficiency



Gear reduction mechanism delivers high lock-torque.

Suitable for DIY work



Tool-less change and tension adjustment of saw chain



Large oil tank cap
Easy to add chain oil



Chain oil view window

XPT

eXtreme Protection Technology

Comparison list

○ Appropriate X Inappropriate

Specification	Battery	Guide bar (mm)	power (W)	Saw chain Speed	Weight (kg)	Branch 300mm	Branch 200mm	Branch 100mm
DUC406	18Vx2	400	1200	0-20m/s 0-1200r/m	3.7	○	○	○
DUC353		350	1100	0-20m/s 0-1200r/m	3.3	○	○	○
DUC357	18V	350	610	0-7.7m/s 0-460r/m	2.9	○*	○	○
DUC254		250	570	0-24m/s 0-1440r/m	1.9	X	○	○

*Tool with high torque design is more suitable for cutting with strong force.

Accessories

● Standard equipment

Guide bar / Saw chain / Guide bar cover / Round file / Drive sprocket

Guide bar

Saw chain

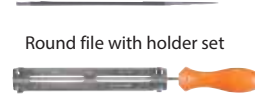
Guide bar cover

Round file

Drive sprocket

*Sprocket nose bar (Micro-Lite)
**Sprocket nose bar

Cutter type:
CC: Chamfer chisel



Guide bar		Saw chain						Round file			Drive sprocket			
Bar length	Part No.	No. of drive links	Gauge	Pitch	Cutter type	Saw chain Part No.	Bar cover Part No.	File diameter	with holder set	2pcs.	12pcs.	Pitch/ No. of teeth	Part No.	
30cm/12"	*191G15-1 *165245-8 (Limited quantity)	46	1.1mm/.043"	3/8"	90PX	191H01-8 196740-7/531291646 (Limited quantity)	413G23-5 ●	4.5mm	D-70954	D-67371	D-67387	3/8" / 6	199063-2 (package) 221464-7 ● (not packaging)	
	**191G22-2 **165200-0 (Limited quantity)		1.3mm/.050"		91PX	191H10-7 196211-4/531492646 (Limited quantity)		4.0mm	D-70948	D-67359	D-67365			
35cm/14"	*191G16-9 ● *165246-6 (Limited quantity)	52	1.1mm/.043"		90PX	191H02-6 ● 196741-5 (Limited quantity)		413G21-9	4.5mm	D-70954	D-67371			D-67387
	**191G24-0 **165201-8 (Limited quantity)		1.3mm/.050"		91PX	191H11-5 196207-5 (Limited quantity)			4.0mm	D-70948	D-67359			D-67365
40cm/16"	*191G17-7 **191G25-8 **165202-6/442040661 (Limited quantity)	56	1.1mm/.043"	90PX	191H03-4 196743-3/531291656 (Limited quantity)	413G21-9	4.5mm		D-70954	D-67371	D-67387			
			1.3mm/.050"	91PX	191H12-3 196208-3/531492656 (Limited quantity)		4.0mm		D-70948	D-67359	D-67365			

Charging Time

Model	Capacity	Fast Charging	
		DC18RC	DC18SD
BL1830B	3.0Ah	22 min	60 min
BL1840B	4.0Ah	36 min	90 min
BL1850B	5.0Ah	45 min	110 min
BL1860B	6.0Ah	55 min	130 min

Cordless Chain Saw

DUC357 350 mm (14")



Brake



Chain Brake

Standard Equipment :

Guide bar 350mm (191G16-9),
guide bar case (413G23-5),
saw chain 90PX (191H02-6).

Guide Bar Length	DUC307: 300 mm (12"), DUC357: 350mm (14"), DUC407: 400mm (16")
Chain speed	7.7 m/s
Chain Pitch / Chain Gauge	3/8" / 1.1 mm (0.043") or 1.3 mm (0.050")
Chain oil tank volume	150 mL (5.1 US oz)
Sound Pressure Level	86 dB(A)
Sound Power Level	97 dB(A)
Vibration Level	5.4m/s ²
Dimensions (L x W x H)	w/o Guide Bar: 428 x 214 x 234 mm(16-7/8 x 8-3/8 x 9-1/4") w/ Guide bar/saw chain: DUC307: 704 x 214 x 234 mm(27-3/4 x 8-3/8 x 9-1/4") DUC357: 762 x 214 x 234 mm(30 x 8-3/8 x 9-1/4") DUC407: 796 x 214 x 234 mm(31-1/4 x 8-3/8 x 9-1/4")
Net weight	4.2 - 4.4 kg (9.3 - 9.7 lbs.)

DUC357Z: Battery & charger are sold separately

The weight may differ depending on the attachment(s), including the battery cartridge. The lightest and heaviest combination, according to EPTA-Procedure 01/2014, are shown in the table. Items of standard equipment and specifications may vary by country or area.

CÔNG TY TNHH MAKITA VIỆT NAM

CHI NHÁNH CTY TNHH MAKITA VN TẠI MIỀN BẮC

Kho S. Số 1, Đường Số 6, KCN - BT - DV VSP, Bắc Ninh, P. Phú Châu, TP. Từ Sơn, T. Bắc Ninh.
ĐT: 0222 376 5942 Fax: 0222 376 5941

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CHI NHÁNH HÀ NỘI

65 Trường Chinh, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.
ĐT: 0243 202 2385

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

102 Trần Hưng Đạo, P. Hải Châu 2, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng.
ĐT: 0236 352 5078 / 0236 352 5178 Fax: 0236 352 5478

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CHI NHÁNH CẦN THƠ

386 Võ Văn Kiệt, Khu Vực S, P. An Thới, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
ĐT: 0292 389 4358 Fax: 0292 389 4358

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CHI NHÁNH BUỒN MA THUỐC

88 Lê Đức Thọ, P. Thống Kê, TP. Buon Ma Thuột, T. Đắk Lắk.
ĐT: 0262 355 4556 Fax: 0262 355 4557

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

Số 01 Lũy Đồi, Dự án Hoàng Huy Riverside, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng.
ĐT: 0225 883 1529

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CHI NHÁNH HÀ TRANG

Là 3636 đường B6, Khu đô thị Vinhomes Trung, Xã Vinh Ngọc, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa
ĐT: 0258 220 0039

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH

Số 12 Trịnh Văn Căn, P. Cầu Ông Lãnh, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh.
ĐT: 0283 821 5191

AK-052023-1